

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2023/HS-ST
Ngày 26-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Đoan
- Ông Đặng Ngọc Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Viết Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 40/2023/TLST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/HSST-QĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Phạm Thị H; tên gọi khác: không có; giới tính: nữ; sinh ngày 08/02/1967, tại xã Đ, huyện Qu, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: thôn V, xã Đ, huyện Qu, tỉnh Thái Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 3/10; nghề nghiệp: kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ; con ông Phạm Văn Th, đã chết (thương binh loại A) và bà Trịnh Thị X, sinh năm 1931; chồng: Đỗ Vũ Ng, sinh ngày 10/6/1962 (là bị cáo trong vụ án); có 2 con, sinh năm 1988 và 1991; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 16/12/2022 đến ngày 25/12/2022, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Đỗ Vũ Ng; tên gọi khác: không có; giới tính: nam; sinh ngày 10/6/1962, tại xã Đ, huyện Qu, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: thôn V, xã Đ, huyện Qu, tỉnh Thái Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 7/10; nghề nghiệp: kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ; con ông Đỗ Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị N (đều đã chết); vợ: Phạm Thị H, sinh ngày 08/02/1967 (là bị cáo trong vụ án); có 2 con, sinh năm 1988 và 1991; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: từ tháng 2/1983 đến tháng 4/1985 tham gia nghĩa vụ quân sự; bị khởi tố, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/12/2022.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Hà Thị B, sinh năm 1978, nơi cư trú: thôn B1, xã T, huyện N1, tỉnh Tuyên Quang;

- Chị Sú Thị T1, sinh năm 1982, nơi cư trú: thôn V, xã G, huyện Ch, tỉnh Yên Bái;

- Anh Vũ Công C, sinh năm 1968, nơi cư trú: thôn L, xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

- Anh Nguyễn Hữu A, sinh năm 1980, nơi cư trú: thôn Tr, xã A1, huyện Qu, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt các bị cáo; vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Bị cáo Phạm Thị H và bị cáo Đỗ Vũ Ng là vợ chồng, làm nghề kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ cho thuê lưu trú, lấy tên là “Nhà nghỉ A2”, tại địa chỉ thôn V, xã Đ, huyện Qu, tỉnh Thái Bình; Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 001610, do Phòng Tài chính Kế hoạch Ủy ban nhân dân huyện Qu cấp ngày 23/01/2013; Đỗ Vũ Ng là đại diện hộ kinh doanh. Tháng 11/2022, H ở nhà thì chị Hà Thị B đến gặp H, đặt vấn đề bán dâm tại Nhà nghỉ, giá bán mỗi lần là 300.000 đồng, B được hưởng 200.000 đồng, H được hưởng 100.000 đồng. H đồng ý, sau đó trao đổi lại nội dung này với Ng. Thấy việc chứa mại dâm như H đề xuất sẽ có thêm thu nhập cho gia đình nên Ng đồng ý. Đầu tháng 12/2022, chị Sú Thị T1 đến gặp H, đặt vấn đề bán dâm tại Nhà nghỉ với nội dung thỏa thuận tương tự như với chị B. H đồng ý, hai bên cho nhau số điện thoại để liên lạc. Sáng ngày 16/12/2022, chị B đến Nhà nghỉ A2 chơi. Khoảng 10 giờ, anh Vũ Công C và anh Nguyễn Hữu A cùng nhau đến nhà Nghỉ A2 để mua dâm. Ngồi uống nước ở phòng khách tầng 1 thấy H ở quầy lễ tân anh C lại hỏi “Cho anh em tớ văn nghệ tý!”. Hiểu ý anh C hỏi mua dâm, H nói giá bán dâm là 300.000 đồng/người/lần và chỉ tay về phía chị B đang ngồi gần đó nói: “Có em này đang đợi bạn, đồng ý đi không?”. anh C đồng ý và yêu cầu thêm một gái bán dâm nữa cho A. Bị cáo Ng đứng lau cửa phòng khách nghe biết C, A vào hỏi mua dâm nhưng không nói gì. C, A gọi 03 lon bia ngồi uống. H sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Nokia lắp sim thuê bao số 0369.320.730 gọi đến số thuê bao 0373.592.584 báo cho T1 biết đến bán dâm. T1 đồng ý. C đứng dậy đưa H 1.000.000 đồng (2 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng) để trả tiền bia và tiền mua dâm cho 02 người. H nhận rồi trả lại 370.000 đồng tiền thừa cho C. Bị cáo Ng ngồi ở bàn uống nước cùng với C, A và B chứng kiến toàn bộ sự việc. H bảo anh C và B vào phòng số 1 mua bán dâm; bảo A chờ T1 tới rồi lấy xe đi chợ. Khoảng 30 phút sau, T1 đến nhà nghỉ. Ng nhìn thấy T1 thì hỏi: “Đi khách à?”. T1 gật đầu. Ng chỉ dẫn cho A và T1 vào phòng số 2 mua bán dâm. Đến khoảng 10 giờ 50 phút cùng ngày, H vừa đi chợ về, thì tổ công tác của Công an huyện Quỳnh Phụ đến kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang C và B, A và T1 đang quan hệ tình dục tại phòng số 1 và phòng số 2 của Nhà nghỉ; quản lý của C số tiền 370.000 đồng, 01 vỏ bao cao su và 01 bao cao su đang sử dụng; quản lý của A 01 vỏ bao cao su và 01 bao cao su đang sử dụng; quản lý của Sú

Thị T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y21, lắp sim thuê bao số 0373.592.584; quản lý của Hà Thị B 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A15S, lắp sim thuê bao số 0916.665.271; quản lý của Phạm Thị H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia lắp sim thuê bao số 0369.320.730, số tiền 500.000 đồng, H khai là tiền bán dâm thu được từ C, tờ 500.000 đồng còn lại, H khai bị rơi khi đi chợ. Cơ quan C sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang quản lý, niêm phong vật chứng.

Cùng ngày, Cơ quan C sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ tiến hành khám xét khẩn cấp Nhà nghỉ A2 thu giữ 12 bao cao su nhãn hiệu HEBAJIЯIIKA màu xám bạc chưa sử dụng tại rổ trên ổ áp LiOa khu vực bàn lễ tân và 730.000 đồng trong ví ở quầy lễ tân; thu giữ 01 video clip từ camera an ninh tại phòng khách của nhà nghỉ.

Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo Phạm Thị H và bị cáo Đỗ Vũ Ng khai nhận: Vợ chồng H, Ng làm nghề kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ, lấy tên cơ sở là Nhà nghỉ A2, tại thôn V, xã Đ, huyện Qu, tỉnh Thái Bình. Khoảng 1 tháng trước, có một phụ nữ giới thiệu tên là Ph, ở thị trấn B2, huyện B2, thành phố Hải Phòng, sau này H và Ng biết tên thật là Hà Thị B đến đặt vấn đề với H về việc cho thuê phòng nghỉ để B bán dâm. Do có sẵn phòng nghỉ nên H đồng ý. Cả hai thỏa thuận thống nhất, nếu có khách mua dâm thì H sẽ báo cho B đến bán dâm và thu của khách 300.000 đồng/lượt. Số tiền này, H trả cho B 200.000 đồng, còn H được hưởng lợi 100.000 đồng. Sau đó, H trao đổi với Ng về việc cho gái bán dâm tại Nhà nghỉ A2 để thu tiền dịch vụ, mỗi lượt 100.000 đồng. Ng đồng ý. Khoảng ngày 13/12/2022, có người phụ nữ, giới thiệu tên là Hương, ở Yên Bái, sau này H biết tên thật là Sú Thị T1 đến đặt vấn đề với H thuê phòng nghỉ để bán dâm, với nội dung thỏa thuận tương tự như với B. H đồng ý. T1 và H lưu số điện thoại của nhau để liên lạc. Sáng ngày 16/12/2022, B tới Nhà nghỉ chơi. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, khi H và Ng đang dọn Nhà nghỉ thì có 2 người đàn ông sau này biết tên là Vũ Công C và Nguyễn Hữu A đến. C gặp H hỏi: *“Hai anh em tôi muốn văn nghệ một tý?”*. Hiểu ý C muốn mua dâm tại Nhà nghỉ nên H đồng ý và chỉ tay về phía B ngồi gần đó và nói: *“Có đồng ý em này không?”*. C đồng ý và yêu cầu H gọi thêm một gái bán dâm nữa cho A. C, A gọi 03 lon bia ngồi uống. H gọi điện thoại cho T1 biết tới bán dâm. T1 đồng ý. C đứng dậy đưa H 1.000.000 đồng (02 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng) để trả 30.000 đồng tiền mua bia và 600.000 đồng tiền mua dâm cho 02 người. H nhận rồi trả lại C 370.000 đồng. Lúc này, Ng ở đó chứng kiến toàn bộ sự việc nhưng không nói gì. H bảo C đưa B vào phòng số 1 mua bán dâm trước, còn T1 đến sau sẽ cùng A vào phòng số 2, rồi đi chợ. Một lúc sau, T1 đến nhà nghỉ, Ng hỏi T1: *“Đến đi khách à?”*, T1 gật đầu. Ng chỉ phòng số 2 cho T1 và A vào mua bán dâm. Khoảng 10 giờ 45 phút cùng ngày, H đi chợ về thì Công an huyện Quỳnh Phụ đến kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang C và B, A và T1 đang quan hệ tình dục tại phòng số 1 và phòng số 2 của Nhà nghỉ. Cơ quan C sát điều tra Công an huyện đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, quản lý, niêm phong các vật chứng.

Bản cáo trạng số 45/CT-VKSQP ngày 09/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình truy tố Phạm Thị H và Đỗ Vũ Ng về tội “Chứa mại dâm” quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo H và Ng khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội chứa mại dâm vào ngày 16/12/2022, tại phòng số 1 và phòng số 2 Nhà nghỉ A2 của gia đình Đỗ Vũ Ng và Phạm Thị H, ở địa chỉ thôn V, xã Đ, huyện Qu, tỉnh Thái Bình như đã nêu trong cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo H và Ng về tội “*Chứa mại dâm*”. Đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh tuyên bố bị cáo H và Ng phạm tội “*Chứa mại dâm*”; về hình phạt: áp dụng khoản 1 Điều 327, điểm s Khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo; áp dụng khoản 5 Điều 327 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo H; áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Ng; xử phạt bị cáo H từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù đến 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được khấu trừ thời gian tạm giữ; xử phạt bị cáo Ng từ 01 năm 03 (ba) tháng đến 01 năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, có thời gian thử thách từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Ng cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Qu để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự.

Về hình phạt bổ sung do các bị cáo là vợ chồng của nhau, bị cáo H giữ vai trò chính trong vụ án, vì vậy cần phạt bổ sung bị cáo H từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Ng; về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy 02 vỏ bao cao su; 02 bao cao su đã qua sử dụng và 02 xác sim điện thoại; tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 500.000 đồng do phạm tội mà có và buộc bị cáo H phải nộp lại số tiền 100.000 đồng do phạm tội mà có để nộp ngân sách nhà nước; tịch thu 01 điện thoại di động Nokia màu xám và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y21 để hóa giá nộp ngân sách nhà nước. Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, có lời nói sau cùng nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để các bị cáo yên tâm cải tạo, hòa nhập cộng đồng, trở thành công dân có ích cho xã hội và đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan C sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền,

trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình vào ngày 16/12/2022. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và còn được chứng minh B các tài liệu, chứng cứ như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang và các biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; Biên bản khám xét; Biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường và bản ảnh; Các biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật; biên bản kiểm tra điện thoại; Biên bản trích xuất, niêm phong dữ liệu điện tử; Biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan do Cơ quan C sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ lập và bản kết luận giám định số 1072/KL-KTHS ngày 23/3/2023 của Viện KH học hình sự Bộ Công an kết luận hình ảnh và âm thanh tại USB thu giữ, cùng toàn bộ tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Sáng ngày 16/12/2022, tại phòng số 1 và phòng số 2 nhà nghỉ A2 của gia đình bị cáo Đỗ Vũ Ng và bị cáo Phạm Thị H, ở địa chỉ thôn V, xã Đ, huyện Qu, tỉnh Thái Bình, bị cáo H và bị cáo Ng đã có hành vi chứa mại dâm cùng lúc đối với 2 người là chị Hà Thị B và chị Sú Thị T1 thực hiện hành vi bán dâm cho anh Vũ Công C và anh Nguyễn Hữu A, nhận 600.000 đồng tiền mua dâm, hưởng lợi bất chính 200.000 đồng, bị Công an huyện Quỳnh Phụ phát hiện, bắt quả tang, thu giữ vật chứng. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội “*Chứa mại dâm*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ.

Điều 327. Tội chứa mại dâm

“1. Người nào chứa mại dâm thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

.....
5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo cho thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sự quản lý của nhà nước về trật tự công cộng, gây bất bình và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân nơi các bị cáo phạm tội. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, coi thường pháp luật, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý, sử dụng nhà nghỉ thuộc quyền sở hữu của mình để chứa mại dâm nhằm mục đích thu lợi bất chính, nhưng vai trò phạm tội của mỗi bị cáo có sự khác nhau. Vì vậy Hội đồng xét xử cần phải lên một mức án phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo thì mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội cũng như việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Xét về vai trò, hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án cho thấy: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, giữa bị cáo không có sự phân công và bàn bạc cụ thể từ trước, nhưng vai trò thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo có sự khác nhau, vì vậy cần phải xem xét hành vi, vai trò cũng như nhân thân của từng bị cáo để xét xử và lên mức hình phạt cho phù hợp. Trong vụ án này, bị cáo H là người giữ vai trò chính, chủ động kết nối giữa người mua dâm và người bán dâm, trực tiếp thu tiền của người mua dâm và sắp xếp bố trí địa điểm mua bán dâm. Đối với bị cáo Ng tuy không trực tiếp giao dịch với người mua và bán dâm, nhưng bị cáo là chủ cơ sở nhà nghỉ, biết rõ việc phạm tội của bị cáo H khi giao dịch với người mua và bán dâm, bị cáo đồng ý để việc phạm tội diễn ra tại nhà nghỉ thuộc quyền quản lý của mình. Vì vậy, vai trò của bị cáo H cao hơn bị cáo Ng, cần lên mức án bị cáo H cao hơn bị cáo Ng.

[5] Xét về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy: các bị cáo đều có nhân thân tốt, quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị cáo H có bố đẻ là thương binh, bị cáo Ng có thời gian tham gia quân đội. Vì vậy, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về quyết định hình phạt: Từ những phân tích nêu trên, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo H ra khỏi đời sống xã hội một thời gian. Đối với bị cáo Ng xét thấy phạm tội với vai trò thứ yếu, có nơi cư trú ổn định rõ ràng, có nhân thân tốt, vì vậy không cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù, nhưng cho hưởng án treo là phù hợp, tương xứng với vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo và bảo đảm mục đích hình phạt nói chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo phạm tội với mục đích thu lợi bất chính, nhưng do các bị cáo là vợ chồng của nhau; bị cáo Ng phạm tội với vai trò thứ yếu. Vì vậy, chỉ cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo H và miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Ng như mức đề nghị của đại diện của Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp.

[8] Trong vụ án này, chị Hà Thị B, chị Sú Thị T1, anh Vũ Công C, anh Nguyễn Hữu A là những người mua, bán dâm bị bắt quả tang. Công an huyện Quỳnh Phụ đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định của pháp luật.

[9] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã quản lý số tiền 500.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động Nokia màu xám, lắp sim thuê bao số 0369.320.730; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y21, lắp sim thuê bao số 0373.592.584; 02 vỏ bao cao su và 02 bao cao su đã qua sử dụng. Xét thấy số tiền là do phạm tội mà có, vì vậy cần tịch thu 500.000 đồng và buộc bị cáo H phải nộp lại số tiền 100.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước. Đối với 02 chiếc điện thoại di động bị cáo H và chị T1 đã dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu hóa giá nộp ngân sách nhà nước. Đối với 02 xác sim điện thoại, 02 vỏ bao cao su và 02 bao cao su đã qua sử dụng là vật chứng vụ án không có giá trị sử dụng,

cần tịch thu để tiêu hủy là phù hợp với Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra xác định số tiền 370.000 đồng là tài sản hợp pháp của anh C; 12 bao cao su nhãn hiệu HEBAJIAIIKA màu xám bạc chưa sử dụng và số tiền 730.000 đồng thu tại ví ở quầy lễ tân thuộc quyền sở hữu của bị cáo Ng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A15S, màu xanh lam, lắp sim thuê bao số 0916.665.271 là tài sản của chị B. Những đồ vật, tài sản này không liên quan đến hành vi phạm tội, nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý đồ vật, tài sản trả cho chủ sở hữu là có căn cứ, đúng pháp luật.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Thị H và bị cáo Đỗ Vũ Ng phạm tội “Chứa mại dâm”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 327; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thị H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ 09 (chín) ngày tạm giữ (từ ngày 16/12/2022 đến ngày 25/12/2022); phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Vũ Ng 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, có thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Ng cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Qu để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

“Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự”.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng); buộc bị cáo Phạm Thị H phải nộp lại số tiền 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) do phạm tội mà có để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Tuyên tịch thu để hóa giá nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động Nokia màu xám; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y21.

- Tuyên tịch thu để tiêu hủy 02 xác sim điện thoại, 02 vỏ bao cao su và 02 bao cao su đã qua sử dụng.

(Vật chứng và số tiền trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/4/2023 giữa Công an huyện Quỳnh Phụ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ và hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ đang quản lý).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo H và bị cáo Ng mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo H và bị cáo Ng có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- CQ CSĐT, THAHS Công an Quỳnh Phụ;
- UBND xã Đ;
- Các bị cáo; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

NGUYỄN MINH ĐỨC